

Bản án số: 124/2018/HS-ST
Ngày: 23/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hòa.
2. Bà Võ Thị Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo phân công của Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Bà Lê Thị Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/4/2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2018/TLST-HS ngày 10/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 661/2018/HSST-QĐ ngày 22/02/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Văn T**; giới tính: Nam; sinh năm: 20/7/1956, tại tỉnh B; nơi ĐKKTTT: đường N, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: chung cư P, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thủy sản H tại Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: Cao đẳng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt nam (Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo QĐ số 51-QĐ/UBKTĐUK của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối doanh nghiệp Thành phố Hải Phòng ngày 08/11/2016); con ông Huỳnh Quang H (chết) và bà Phan Thị P (chết); có vợ và 03 con (lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1982); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày: 02/11/2016 (có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH MTV thủy sản H (có mặt).

Địa chỉ: đường L, quận N, Thành phố Hải Phòng.

Đại diện ủy quyền: Bà Hoàng Thị T, chức danh: Trợ lý Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thủy sản H tại Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: đường Đ, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H, chức danh: Phụ trách Chi nhánh.

Đại diện ủy quyền: Bà Đàm Vân A, chức danh: Kế toán Chi nhánh.

2. Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại D (vắng mặt).

Trụ sở: đường H, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu P (vắng mặt).

Trụ sở: đường N, phường P, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Vương Đức D, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Chỗ ở: đường B, phường C, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Chung cư N, Khu phố H, phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

6. Bà Đàm Vân A, sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: đường N, phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Hoàng Thị K, sinh năm: 1965 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: đường L, phường M, quận N, Thành phố Hải Phòng.

Chỗ ở: phường T, quận K, Thành phố Hải Phòng.

8. Ông Nguyễn Huy V, sinh năm: 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ngõ B, đường H, phường C, quận L, Thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV Thủy sản H (viết tắt là Công ty Thủy sản H) là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 683/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thủy sản H tại Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị thành viên của Công ty TNHH MTV Thủy sản H được thành lập theo Quyết định số 80/QĐ-TSHL-CT ngày 27/7/2011. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu ngày 10/8/2011, mã số 0201167489-002. Chi nhánh có giấy phép kinh doanh 38 ngành nghề, do Huỳnh Văn T làm Giám đốc từ tháng 10/2008 đến tháng 6/2016 (Quyết định số 85/QĐ-TSHL ngày 27/7/2011 của Công ty Thủy sản H). Hằng năm, Giám đốc Công ty Thủy sản H có văn bản ủy quyền cho Huỳnh Văn T được ký kết các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng kinh tế mua bán các loại hàng hóa trong lĩnh vực kinh doanh theo ngành nghề được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chế độ tài chính theo phương thức hạch toán phụ thuộc và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại D (gọi tắt là Công ty D) đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 04/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/4/2016, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306320631, có trụ sở tại: đường H, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng. Giám đốc đại diện theo pháp luật là ông Vương Đức D. Hoạt động kinh doanh theo 14 ngành nghề, trong đó mặt hàng chính là sắt thép.

Huỳnh Văn T và Vương Đức D quen biết nhau nên từ năm 2009 đến năm 2012, Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thủy sản H tại Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Chi nhánh) ký các hợp đồng bán thép cho Cảng cá H và Công ty N. Sau đó, Huỳnh Văn T yêu cầu Công ty D ký hợp đồng mua bán thép với 02 Công ty nêu trên. Toàn bộ giao dịch mua bán thép giữa các công ty nêu trên với Công ty D đều do Huỳnh Văn T đứng ra làm đại diện giao dịch, thương lượng. Việc thanh toán của Công ty D bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. Việc theo dõi công nợ giữa Chi nhánh và Cảng cá H, Công ty N theo sổ sách kế toán của Chi nhánh, còn việc thanh toán tiền mua hàng giữa Công ty D với các công ty trên, Huỳnh Văn T và Vương Đức D lập 02 cuốn sổ thanh toán tiền hàng để ghi chép mỗi người giữ 01 cuốn, nội dung như nhau. Tại sổ của Vương Đức D có chữ ký của Huỳnh Văn T, tại sổ của Huỳnh Văn T có chữ ký của Vương Đức D để xác nhận việc đưa và nhận tiền mặt cũng như theo dõi việc chuyển tiền qua tài khoản của từng lô hàng. Ngoài ra, mỗi lần đưa tiền mặt cho Huỳnh Văn T, Vương Đức D đều điện về cho kế toán Công ty D nhập số tiền đã chuyển khoản hoặc số tiền Vương Đức D đưa cho Huỳnh Văn T để theo dõi nhưng không ghi cụ thể thanh toán cho hóa đơn nào, của công ty nào. Hiện sổ sách kế toán của Chi nhánh thể hiện toàn bộ số tiền mua thép của Cảng cá H, Công ty N đã được thanh toán đúng thời hạn, không còn dư nợ.

Từ năm 2013 đến năm 2014, Huỳnh Văn T đại diện Chi nhánh ký hợp đồng trực tiếp với Công ty D tổng cộng 11 hợp đồng và 43 phụ lục hợp đồng mua bán tổng số 7.629.791 kg thép, trị giá 96.341.463.416 đồng, trong đó:

- Năm 2013: 01 Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT-2013 ngày 01/02/2013, làm cơ sở để ký 34 phụ lục hợp đồng mua bán, tổng trị giá 61.391.082.978 đồng.

- Năm 2014: 10 Hợp đồng, trị giá 34.950.380.438 đồng. Gồm các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT-2014 ngày 02/01/2014 làm cơ sở để ký 09 phụ lục hợp đồng, tổng trị giá 16.808.430.161 đồng.

+ 09 hợp đồng có tổng giá trị: 18.141.950.277 đồng. Cụ thể:

STT	Hợp đồng số	Ngày	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	01/HĐKT-14/HL-DĐF	01/08/2014	1.513.100.160	
2	02/HĐKT-14/HL-DĐF	08/09/2014	2.808.572.030	
3	03/HĐKT-14/HL-DĐF	11/09/2014	1.953.035.326	
4	04/HĐKT-14/HL-DĐF	29/09/2014	2.231.420.400	

5	05/HĐKT-14/HL-DĐF	14/10/2014	3.464.646.724	
6	06/HĐKT-14/HL-DĐF	05/11/2014	1.230.344.924	
7	07/HĐKT-14/HL-DĐF	05/12/2014	1.719.533.079	
8	08/HĐKT-14/HL-DĐF	08/12/2014	1.412.734.108	
9	09/HĐKT-14/HL-DĐF	26/12/2014	1.808.563.526	
Tổng cộng:			18.141.950.277	

Việc ký hợp đồng bán hàng giữa Chi nhánh và Công ty D diễn ra liên tục, chưa thanh toán dứt điểm hợp đồng này lại tiếp tục ký các hợp đồng và phụ lục hợp đồng khác.

Thực hiện nghĩa vụ thanh toán, từ tháng 01/2013 đến 31/8/2016 Công ty D đã thanh toán tiền mua thép của Chi nhánh bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh P và Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh A, Phòng giao dịch B số tiền 53.736.926.217 đồng, cụ thể:

+ Tại Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh P: năm 2013: 20.580.876.267 đồng; năm 2014: 15.922.734.857 đồng; năm 2015: 1.710.000.000 đồng; năm 2016: 570.000.000 đồng. Tổng cộng: 38.783.611.124 đồng.

+ Tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh A, Phòng giao dịch B: năm 2013: 4.853.315.093 đồng; năm 2014: 10.100.000.000 đồng. Tổng cộng: 14.953.515.093 đồng.

Ngoài ra, theo yêu cầu của Huỳnh Văn T, Vương Đức D đã thanh toán trực tiếp tiền mặt cho Huỳnh Văn T số tiền 31.089.401.555 đồng tại nhà riêng. Do tin tưởng Huỳnh Văn T, nên Vương Đức D thực hiện theo yêu cầu của Huỳnh Văn T. Cụ thể việc đưa tiền mặt cho Huỳnh Văn T theo từng năm là:

STT	Năm	Số tiền (đồng)	Ghi chú
01	2013	21.082.530.748	
02	2014	8.786.870.807	
03	2015	1.150.000.000	
04	2016	70.000.000	
Tổng cộng:		31.089.401.555	

Sau khi nhận 31.089.401.555 đồng tiền mặt nêu trên, trong các năm 2013, 2014 và 2015 Huỳnh Văn T chỉ nộp vào tài khoản số 6380201007168 của Công ty D mở tại Ngân hàng NN - Chi nhánh B, rồi chuyển về tài khoản số 170031100100200 của Chi nhánh mở tại Ngân hàng NN - Chi nhánh H tổng cộng 14.775.444.282 đồng. Cụ thể như sau:

+ Năm 2013: Huỳnh Văn T nhận 21.082.530.748 đồng, trả bằng chuyển khoản 3.620.000.000 đồng.

STT	Ngày chuyển tiền	Số tiền (đồng)	STT	Ngày chuyển tiền	Số tiền (đồng)
01	27/5/2013	570.000.000	07	12/09/2013	100.000.000
02	30/5/2013	550.000.000	08	30/09/2013	200.000.000
03	03/6/2013	570.000.000	09	08/10/2013	400.000.000
04	11/6/2013	150.000.000	10	22/10/2013	350.000.000
05	20/6/2013	450.000.000	11	31/10/2013	80.000.000
06	12/9/2013	200.000.000			
Tổng cộng: 3.620.000.000 đồng					

+ Năm 2014: Nhận 8.786.870.807 đồng, trả bằng chuyển khoản 10.005.444.282 đồng.

STT	Ngày chuyển tiền	Số tiền (đồng)	STT	Ngày chuyển tiền	Số tiền (đồng)
01	21/01/2014	200.000.000đ	11	09/12/2014	530.000.00
02	23/03/2014	1.835.910.522	12	17/12/2014	164.828.880
03	03/03/2014	265.000.000	13	17/12/2014	420.638.565
04	30/09/2014	500.000.000	14	17/12/2014	33.472.448
05	21/10/2014	280.000.000	15	17/12/2014	100.942.400
06	03/11/2014	1.000.000.000	16	18/12/2014	30.000.000
07	21/11/2014	250.000.000	17	18/12/2014	670.876.567
08	27/11/2014	1.130.000.000	18	22/12/2014	200.000.000
09	28/11/2014	1.400.000.000	19	22/12/2014	503.774.900
10	08/12/2014	200.000.000	20	23/12/2014	290.000.000
Tổng cộng: 10.005.444.282 đồng					

+ Năm 2015: Nhận 1.150.000.000 đồng, trả 1.150.000.000 đồng.

STT	Ngày chuyển tiền	Số tiền (đồng)
01	12/2/2015	800.000.000
02	04/6/2015	200.000.000
03	12/6/2015	60.000.000
04	03/9/2015	90.000.000
Tổng cộng:		1.150.000.000

Riêng năm 2016, Huỳnh Văn T nhận 70.000.000 đồng nhưng không nộp vào tài khoản của Công ty D để chuyển trả cho Chi nhánh. Như vậy, số tiền còn lại

tổng cộng là: 16.313.957.273 đồng Huỳnh Văn T không nộp vào tài khoản của Công ty D để chuyển trả tiền mua hàng cho Chi nhánh mà sử dụng cá nhân hết.

Theo quy định của Công ty Thủy sản H, hàng quý Chi nhánh Công ty phải có báo cáo tài chính về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh, nhưng với động cơ tư lợi, nhằm để đối phó việc kiểm tra của Công ty Thủy sản H và kế toán của Chi nhánh Công ty, Huỳnh Văn T đề nghị Vương Đức D ký vào Biên bản xác nhận công nợ phát sinh theo sổ sách kế toán của Chi nhánh thể hiện Công ty D chưa thanh toán số tiền trên để Chi nhánh báo cáo công nợ với Công ty Thủy sản H. Vì tin tưởng và cả nể Huỳnh Văn T là Giám đốc Chi nhánh nên Vương Đức D đã đồng ý ký biên bản xác định công nợ theo sổ sách của Chi nhánh nhưng Vương Đức D cũng yêu cầu Huỳnh Văn T phải ký biên bản xác định số dư nợ thực tế với Công ty D theo sổ sách kế toán nội bộ của Công ty D từ ngày 02/7/2015 đến 31/3/2016. Do vậy, tại sổ sách kế toán của Chi nhánh thể hiện từ tháng 01/2013 đến 31/8/2016, Công ty D thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh P, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh A, Phòng giao dịch B và Ngân hàng NN - Chi nhánh B tổng số tiền: 68.512.370.499 đồng, Công ty D còn nợ gốc số tiền: 27.829.092.917 đồng. Nhưng thực tế, Công ty D chỉ còn nợ Chi nhánh số tiền: 11.525.135.644 đồng.

Ngày 23/9/2016, Chi nhánh và Công ty D (có sự chứng kiến của đại diện Công ty Thủy sản H) đã tiến hành xác định công nợ chính xác đến ngày 31/8/2016, Công ty D chỉ còn nợ Chi nhánh số tiền 11.525.135.644 đồng. Huỳnh Văn T thừa nhận đã thu tiền mua thép của Công ty D bằng tiền mặt nhưng chỉ thanh toán một phần về Chi nhánh, số còn lại đã sử dụng cá nhân như nêu trên. Do đó, ngày 27/9/2016, Công ty Thủy sản H có văn bản số 283/TSHL-KTTC gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đề nghị điều tra làm rõ và xử lý hành vi của Huỳnh Văn T theo quy định của pháp luật để thu hồi tài sản cho Nhà nước.

1. Qua xác minh tại Chi nhánh Công ty Thủy sản H:

Từ năm 2008 đến nay, Chi nhánh hoạt động theo Quy chế số 590/QĐ-TSHL ngày 10/12/2008 và điều lệ Công ty được ban hành theo Quyết định số 125/QĐ ngày 08/5/2011 của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam và ủy quyền hàng năm của Tổng giám đốc Công ty cho Giám đốc Chi nhánh, không có quy chế tài chính riêng cho Chi nhánh. Mọi hoạt động kinh doanh của Chi nhánh đều do Giám đốc Chi nhánh điều hành, quyết định và tự chịu trách nhiệm với pháp luật về việc quản lý vốn, tài sản được giao và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phân cấp.

Từ năm 2009 đến năm 2014, toàn bộ tiền để mua thép đầu vào Chi nhánh đều vay của Ngân hàng NN - Chi nhánh H theo hạn mức tín dụng từng năm, giải ngân theo từng hợp đồng, thời hạn cho vay 05 tháng. Nguồn thép đầu vào của Chi nhánh được nhập khẩu hoặc mua nội địa và đều được gửi tại kho của Công ty D. Chi nhánh và Công ty D có thỏa thuận cho gửi thép tại kho, không thu phí. Từ năm 2009 đến năm 2014, toàn bộ tiền mua bán thép đều được thanh toán qua tài khoản tại Ngân hàng NN - Chi nhánh H, không có việc thanh toán bằng tiền mặt. Tại thời điểm 31/8/2016 Chi nhánh còn nợ Ngân hàng NN - Chi nhánh H số tiền 19.803.763.967 đồng (nợ gốc), Chi nhánh phát hiện Công ty D nợ quá hạn từ

tháng 9/2014. Nhưng theo các phụ lục kéo dài thời hạn thanh toán mà Giám đốc Chi nhánh ký với Công ty D thì đến thời điểm ngày 31/3/2016 mới phát sinh nợ quá hạn.

Tại sổ sách chứng từ của Chi nhánh thể hiện Công ty D còn nợ gốc 27.829.092.917 đồng. Ngày 15/6/2016, Chi nhánh đã cùng với Công ty Thủy sản H làm việc với Công ty D để kiểm tra và đôn đốc Công ty D trả nợ thì ông Vương Đức D, Giám đốc Công ty đã xuất trình “Biên bản đối chiếu công nợ” ngày 31/3/2016 do Huỳnh Văn T, Giám đốc Chi nhánh ký, đóng dấu thể hiện: Công ty D chỉ còn công nợ thực tế phải trả đối với Chi nhánh số tiền là 11.932.202.145 đồng, tại Chi nhánh không có biên bản này. Căn cứ kết quả đối chiếu ngày 23/9/2016, Chi nhánh xác định đến thời điểm 31/8/2016: Công ty D còn nợ Chi nhánh số tiền là 11.525.135.644 đồng; Huỳnh Văn T phải chịu trách nhiệm trả cho Chi nhánh số tiền là 21.200.670.033 đồng (trong đó số tiền 16.313.957.273 đồng Huỳnh Văn T nhận của Công ty D và 4.886.712.760 đồng tiền lãi).

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh từ trước đến hết năm 2014 đều có lãi, Chi nhánh thua lỗ từ năm 2015.

2. Qua xác minh tại Công ty Thủy sản H - nguyên đơn dân sự:

Từ năm 2008 đến năm 2014, hàng năm ông Nguyễn Huy V, Giám đốc đại diện cho Công ty Thủy sản H ký văn bản ủy quyền cho ông Huỳnh Văn T, Giám đốc Chi nhánh được ký các hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng NN - Chi nhánh H theo hạn mức cụ thể, Công ty cam kết bảo lãnh và trả nợ thay trong trường hợp Chi nhánh không trả được. Công ty Thủy sản H theo dõi, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh thông qua các báo cáo tài chính theo quy định từng quý, năm. Báo cáo tài chính của các đơn vị phụ thuộc được Công ty thuê đơn vị kiểm toán để kiểm tra. Từ năm 2008 đến năm 2014, Chi nhánh kinh doanh có lãi và vẫn nộp chi phí quản lý về công ty, không có nợ xấu tại Ngân hàng, việc thanh toán các khoản vay tại Ngân hàng đúng thời hạn.

Tháng 10/2014, phát hiện Chi nhánh có nợ thu hồi chậm, ngày 05/11/2014 Công ty Thủy sản H có Quyết định số 174/QĐ-TSHL thành lập Đoàn công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm đối với Chi nhánh và phát hiện số dư nợ của Công ty D là 34.287.804.316 đồng, trong đó nợ quá hạn từ 01 đến 03 tháng là 16.949.642.096 đồng. Ngày 05/12/2014, ông Nguyễn Huy V, Giám đốc Công ty đã làm việc với Chi nhánh yêu cầu thu hồi công nợ để trả tiền vay của Ngân hàng. Huỳnh Văn T, Giám đốc Chi nhánh cam kết sẽ thu hồi công nợ đúng thời hạn, không để xảy ra thất thoát với Chi nhánh.

Từ tháng 5/2015 đến tháng 2/2016, Công ty Thủy sản H có nhiều văn bản gửi Giám đốc Chi nhánh đôn đốc việc thực hiện thu hồi công nợ. Từ ngày 01/5 đến 09/5/2016, Huỳnh Văn T có văn bản cam kết tháng 5/2016 trả 5 tỷ đồng, tháng 6/2016 trả 10 tỷ đồng, nhưng không thực hiện được.

Đến hết tháng 5/2016, Huỳnh Văn T không thu được nợ như cam kết, nên Công ty đã tạm đình chỉ chức vụ Giám đốc Chi nhánh đối với ông Huỳnh Văn T trong 03 tháng để thu hồi nợ, đồng thời lập đoàn kiểm tra công nợ tại Chi nhánh từ

ngày 13/6 đến 15/6/2016. Đoàn kiểm tra đã làm việc với ông Vương Đức D, Giám đốc Công ty D để yêu cầu thanh toán công nợ. Trong thời gian đoàn kiểm tra làm việc, Huỳnh Văn T đã có văn bản giải trình về việc cá nhân ông Huỳnh Văn T đã sử dụng cá nhân số tiền Công ty D trả và Công ty D chỉ còn nợ khoảng 12 tỷ đồng.

Tại Giấy ủy quyền và mục 4 văn bản bảo lãnh trả nợ của Giám đốc Công ty về việc ủy quyền cho Chi nhánh được ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng NN - Chi nhánh H, Công ty cam kết trả nợ thay các khoản nợ mà Chi nhánh nợ Ngân hàng. Vì vậy, Công ty có trách nhiệm kế thừa và thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản nợ tại Ngân hàng NN - Chi nhánh H thay cho Chi nhánh.

3. Qua xác minh tại Công ty D:

Đối với việc thanh toán bằng tiền mặt, đều thông qua Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn T là người trực tiếp nhận tiền mặt từ Vương Đức D tại nhà Huỳnh Văn T. Khi nhận tiền ông Huỳnh Văn T ký vào sổ theo dõi của Vương Đức D, hiện tại Vương Đức D còn lưu giữ sổ theo dõi thanh toán từ 28/11/2014 đến nay, sổ theo dõi trước đây hai bên đã chốt công nợ, hiện không tìm được. Tuy nhiên, sau khi chuyển tiền mặt cho Huỳnh Văn T, Vương Đức D thông báo lại cho kế toán Công ty để ghi vào sổ theo dõi công nợ, nhưng không ghi cụ thể thanh toán hợp đồng nào, công ty nào. Sau đó, Huỳnh Văn T đã ký xác nhận những lần nhận tiền và số công nợ thực tế vào các cuốn sổ này.

Trong năm 2013 và năm 2014, Công ty D đã ký 11 hợp đồng mua bán hàng hóa và 43 phụ lục hợp đồng với Chi nhánh, tổng cộng 7.629.791 kg thép, tổng trị giá 96.341.463.416 đồng. Công ty D đã thanh toán tiền mua thép cho Chi nhánh bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh A, Phòng giao dịch B và Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh P với số tiền 53.736.926.217 đồng; đưa tiền mặt cho Huỳnh Văn T, Giám đốc Chi nhánh là 31.089.401.555 đồng. Tổng cộng cả tiền mặt và chuyển khoản là: 84.826.327.772 đồng.

Hiện Công ty D còn nợ Chi nhánh 11.215.135.644 đồng (sau ngày đối chiếu công nợ 23/9/2016, ngày 29/11/2016 trả 200 triệu đồng; ngày 30/12/2016 trả 100 triệu đồng).

4. Qua xác minh tại Cảng Cá H, Công ty N, Công ty P:

- Cảng cá H có quan hệ mua bán thép với Công ty D từ năm 2009 đến năm 2014. Việc ký kết và thực hiện các hợp đồng mua bán thép giữa Cảng cá H, Chi nhánh và Công ty D đều được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc thanh toán hoàn toàn bằng chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng. Đến nay, giữa Cảng cá H và Công ty D không còn công nợ gì.

- Công ty N và Công ty P bán thép cho Công ty D theo sự chỉ đạo của Huỳnh Văn T (Công ty N bán từ năm 2009 đến năm 2014, Công ty P bán từ năm 2014 đến năm 2015). Hai công ty này mua thép của Chi nhánh hoặc trực tiếp nhập khẩu sau đó bán lại cho Công ty D. Công ty N đã thanh toán toàn bộ số tiền mua thép của Chi nhánh đúng thời hạn.

- Công ty P hiện nay còn nợ Chi nhánh 3.147.434.515 đồng (nợ gốc). Tuy nhiên, Công ty D còn nợ Công ty P 3.440.328.243 đồng của hóa đơn số 0000121 ngày 12/8/2014 và hóa đơn số 0000123 ngày 12/01/2015. Số tiền này Huỳnh Văn T thừa nhận đã nhận tiền mặt từ Vương Đức D nhưng không thanh toán cho Công ty P. Do vậy ngày 17/9/2016, Nguyễn Thị Diễm P đại diện Công ty P, Vương Đức D đại diện Công ty D, Huỳnh Văn T Giám đốc Chi nhánh đã lập biên bản xác nhận số dư nợ, theo đó: tính đến ngày 17/9/2016 Công ty D nợ Công ty P số tiền 3.440.328.243 đồng. Số tiền ông Vương Đức D đã giao tiền mặt cho Huỳnh Văn T để trả tiền mua thép cho Công ty P. Huỳnh Văn T có trách nhiệm nộp trả Công ty D số tiền 3.440.328.243 đồng để Công ty D trả cho Công ty P.

5. Qua xác minh tại Ngân hàng NN - Chi nhánh B:

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2015, tài khoản số 6380201007168 của Công ty D mở tại Ngân hàng NN - Chi nhánh B đã chuyển đến tài khoản số 170031100100200 của Chi nhánh tại Ngân hàng NN - Chi nhánh H tổng số tiền là 14.775.444.282 đồng.

6. Qua xác minh tại Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng S:

Huỳnh Văn T mở tài khoản chứng khoán tại Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng TMCP S từ ngày 09/02/2007 và bắt đầu thực hiện các giao dịch mua bán cổ phiếu từ ngày 02/02/2007, kết thúc giao dịch mua, bán cổ phiếu vào ngày 31/5/2012, số tiền lỗ do mua bán cổ phiếu thể hiện trên tài khoản của ông Huỳnh Văn T là 7.595.394.000 đồng. Việc kinh doanh cổ phần trên thị trường OTC không xác minh được vì không được theo dõi trên hệ thống của Công ty chứng khoán.

Trong quá trình điều tra, Huỳnh Văn T và các đối tượng liên quan đã khai nhận phù hợp với nội dung vụ án nêu trên. Huỳnh Văn T đã bán nhà và đi ở thuê, hiện tại Huỳnh Văn T không còn tài sản gì để có thể thu hồi trả cho Công ty Thủy sản H.

Tại bản cáo trạng số 42/VKSTC-V5 ngày 03/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn T về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố, tuy nhiên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền khoảng 1.500.000.000 đồng bị cáo đã vay cũng như con bị cáo đã vay dùm bị cáo và bị cáo đã trả nợ thay cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thủy sản H tại Thành phố Hồ Chí Minh và nếu được thì khấu trừ số tiền này vào số tiền bị cáo phải trả. Gia đình bị cáo đã bán căn nhà là nơi ở của gia đình được 1.400.000.000 đồng nộp cho Chi nhánh Công ty để khắc phục một phần hậu quả và xem xét hoàn cảnh của bị cáo để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo bị cáo Huỳnh Văn T về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” đồng thời đề nghị Hội đồng

xét xử áp dụng khoản 3 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T: từ 14 đến 15 năm tù và bồi thường dân sự.

Qua các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thì thấy rằng hành vi của Vương Đức D có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo Huỳnh Văn T và trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy sản H đối với hậu quả các hợp đồng số 07, 08, 09 vì thời điểm năm 2013 đã có khuyến cáo của đơn vị kiểm toán độc lập và kết luận thanh tra là không tiếp tục bán hàng cho một đơn vị sẽ dẫn đến rủi ro về nguồn vốn, tuy nhiên Ban Giám đốc vẫn không có biện pháp nào hữu hiệu mà buông lỏng quản lý dẫn đến việc bị cáo Huỳnh Văn T vẫn ký 03 hợp đồng trên. Do hiện nay, Vương Đức D không có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Hội đồng xét xử nên chưa thể làm rõ được, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra - Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục điều tra làm rõ những vấn đề trên để xử lý theo quy định pháp luật.

Đại diện cho Công ty TNHH MTV Thủy sản H trình bày: Đối với số tiền thiệt hại hiện nay của Công ty TNHH MTV Thủy sản H vì Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bồi thường số tiền mà quá trình điều tra đã xác định được là 16.313.957.273 đồng cho Công ty, đồng thời ông Huỳnh Văn T cũng còn có trách nhiệm đối với nhiều hợp đồng khác do trong thời kỳ ông làm Giám đốc Chi nhánh đã ký gây thiệt hại cho Công ty nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Huỳnh Văn T bồi thường các khoản tiền gây thiệt hại cho Công ty TNHH MTV Thủy sản H ngoài khoản tiền mà Cáo trạng đã xác định.

Đại diện Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thủy sản H tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Đối với số tiền khoảng hơn 1 tỷ đồng như ông Huỳnh Văn T trình bày tại phiên tòa thì Chi nhánh không xác định được vì khi nộp tiền ông Huỳnh Văn T đứng tư cách là Công ty D nộp hoặc chuyển khoản để thanh toán cho quan hệ mua bán hàng với Chi nhánh. Riêng đối với khoản tiền 1.400.000.000 đồng Chi nhánh xác nhận có khoản tiền gia đình ông Huỳnh Văn T nộp để khắc phục hậu quả. Số tiền này hiện nay công ty đang giữ và chưa được hạch toán chờ phán quyết của Tòa án.

Bị cáo không tranh luận và thừa nhận toàn bộ sai phạm như nội dung Cáo trạng truy tố và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ công an,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Huỳnh Văn T là Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thủy sản H (doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước) tại Thành phố Hồ Chí Minh và là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty TNHH MTV Thủy sản H; chịu trách nhiệm kinh doanh và bảo toàn vốn của Nhà nước đối với kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh. Tuy nhiên, vì động cơ vụ lợi, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao; thông qua việc ký và thực hiện hợp đồng nguyên tắc bán thép với Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại D trong các năm 2013 và 2014, bị cáo Huỳnh Văn T đã có hành vi trực tiếp thu tiền bán hàng không thông qua tài khoản mở tại Ngân hàng theo quy định. Để đối phó việc Công ty TNHH MTV Thủy sản H phát hiện ra hành vi sử dụng một phần tiền thanh toán tiền bán hàng của đơn vị mua hàng bị cáo đã nhờ Vương Đức D - Giám đốc Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại D lập phiếu xác nhận còn nợ tiền mua hàng của Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thủy sản H tại Thành phố Hồ Chí Minh; lập Bảng đối chiếu công nợ gian dối để báo cáo sai số tiền còn phải thu nợ với cấp trên. Số tiền thanh toán tiền mua hàng nhận bằng tiền mặt từ Vương Đức D bị cáo sử dụng cho mục đích cá nhân theo bị cáo khai là do thua lỗ trong việc chơi chứng khoán và trả nợ các khoản vay gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản cho Nhà nước. Trên sổ sách của Chi nhánh cũng như Công ty TNHH MTV Thủy sản H thì vẫn thể hiện số tiền bị cáo sử dụng cho mục đích cá nhân là khoản nợ Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại D còn nợ qua việc mua bán hàng hóa chưa thanh toán; sự việc chỉ bị phát hiện khi Công ty TNHH MTV Thủy sản H trực tiếp đối chiếu sổ sách với Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại D.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như sổ sách kế toán, bản đối chiếu công nợ, lời khai của Vương Đức D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận bị cáo Huỳnh Văn T đã phạm vào tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Tội phạm, hình phạt được quy định tại Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao làm trái công vụ gây thiệt hại cho tài sản Nhà nước với số tiền đặc biệt lớn nên thuộc trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng được quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật hình sự nên cần được xử lý nghiêm mới đảm bảo giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét: Nhân thân bị cáo chưa tiền án, tiền sự, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đồng thời bị cáo và gia đình đã bán căn nhà là nơi ở của gia đình để khắc phục một phần hậu quả nên áp dụng các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt.

[3] Xét các nội dung kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về trách nhiệm cá nhân của Vương Đức D cũng như trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy sản H; quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu làm rõ các nội dung mà Kiểm sát viên đề nghị nhưng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cơ quan điều tra vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố do giới hạn của phạm vi xét xử nên Hội đồng xét xử xét thấy cần kiến nghị Cơ quan điều - Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục điều tra làm rõ đề xem xét nếu đủ căn cứ xử lý theo quy định pháp luật đối với trách nhiệm của cá nhân liên quan; Ban Lãnh đạo tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thủy sản H và Công ty TNHH MTV Thủy sản H cũng như trách nhiệm cá nhân của Vương Đức D. Ngoài ra, đối với khoản tiền 3.440.328.243 đồng trong phần quyết định của Cáo trạng truy tố đề nghị Hội đồng xét xử buộc Huỳnh Văn T trả lại số tiền trên cho Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại D để Công ty thanh toán công nợ, xét thấy đề nghị này của Cáo trạng cũng như yêu cầu của Công ty TNHH MTV Thủy sản H đề nghị xem xét buộc Huỳnh Văn T thực hiện việc bồi thường các khoản tiền gây thiệt hại của các hợp đồng khác ngoài số tiền thiệt hại mà Cáo trạng truy tố cũng như lời khai của Huỳnh Văn T liên quan đến khoản tiền bị cáo sử dụng tiền cá nhân để trả nợ thay cho Chi nhánh. Xét đây là các quan hệ pháp luật khác không thuộc phạm vi xem xét giải quyết trong vụ án này nên cần giành quyền cho các cá nhân; Công ty TNHH MTV Thủy sản H, đơn vị liên quan được quyền khởi kiện bằng các vụ kiện khác để giải quyết khi có đơn yêu cầu.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Huỳnh Văn T đã gây thiệt hại cho Công ty TNHH MTV Thủy sản H nên cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 16.313.957.273 đồng. Đối với khoản tiền 1.400.000.000 đồng gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả và Chi nhánh Công ty hiện nay đang tạm giữ số tiền này. Đây là sự tự nguyện nên ghi nhận và số tiền này được khấu trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Văn T** phạm tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

1. Áp dụng Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 281; Điều 33; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn T**: 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2016.

2. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Thủy sản H số tiền 16.313.957.273 đồng. Ghi nhận bị cáo Huỳnh Văn T đã nộp được số tiền 1.400.000.000 đồng và số tiền này được khấu trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường (theo Giấy nộp tiền ngày 25/7/2016 của Ngân hàng NN - Chi nhánh H).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành các khoản tiền như án đã tuyên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất phát sinh do chậm thi hành án quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Giành cho Công ty TNHH MTV Thủy sản H cũng như các cá nhân, công ty, đơn vị liên quan được quyền khởi kiện bằng các vụ kiện khác để yêu cầu các cá nhân, công ty, đơn vị liên quan đối với yêu cầu bồi thường các khoản nợ, lãi phát sinh chưa được xem xét giải quyết trong vụ án này.

Kiến nghị Cơ quan điều tra - Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục điều tra làm rõ để xem xét xử lý đối với trách nhiệm cá nhân liên quan; Ban Lãnh đạo tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thủy sản H tại Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV Thủy sản H; trách nhiệm cá nhân Vương Đức D. Nếu có đủ căn cứ thì xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 124.313.957 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Dương sự; (9)
- THA HS; (1)
- Phòng PC 53-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (28) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Lâm